



dà dū shì

大都市

noun · big city, metropolis

Example Sentences

shàng hǎi shì yī gè dà dū shì

上海是一个大都市。

Shanghai is a big city.

dà dū shì de shēng huó jié zòu hěn kuài

大都市的生活节奏很快。

The pace of life in a big city is very fast.

xǔ duō nián qīng rén xiàng wǎng dà dū shì de fán huá yǔ jī huì

许多年轻人向往大都市的繁华与机会。

Many young people yearn for the prosperity and opportunities of a big city.

Trace each character, then write the word on your own.

大大大大大大

都都都都都都都都都都都都

市市市市市市市市